

Báo cáo ngành

Kết quả kinh doanh Q2 2026: Tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường tăng tốc lên gần 50% YoY

Lợi nhuận sau thuế sau cổ đông thiểu số (viết tắt là LNST) toàn thị trường tăng 49.4% YoY trong Q2 2026, với nhóm Phi tài chính tăng 73.0% YoY và nhóm DN Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm) tăng 25.2% YoY.

16/19 nhóm ngành ghi nhận lợi nhuận tăng trong Q2 2026.

- Bất động sản, Ngân hàng, Dầu khí, Tài nguyên cơ bản & Điện, nước, xăng dầu và khí đốt đóng góp lớn nhất về số tuyệt đối. LNST các ngân hàng niêm yết (NHNY) đạt 87,935 tỷ VND (+24.7% YoY), gấp gần hai lần tốc độ Q1 2026 nhờ tín dụng mở rộng 17.8% YoY, lãi thuần dịch vụ tăng 70.0% YoY và NIM cải thiện khi các ngân hàng tiếp tục tăng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Ngành Điện, nước, xăng dầu và khí đốt tăng 46.1% YoY nhờ cụm Nhựa Trách 3&4 của POW. Hoá chất tăng 55.4% YoY nhờ giá ure và giá cao su cao hơn cùng kỳ. Trong khi đó, tăng trưởng LNST của ngành Bất động sản tăng 257% YoY nhờ các DN như VHM và KSF đẩy mạnh bàn giao các dự án. Lợi nhuận ngành Tài nguyên cơ bản tăng 83.2% YoY, được dẫn dắt bởi tăng trưởng của HPG, MSR và KSV khi hưởng lợi từ xu hướng tăng giá hàng hóa trong Q2 so với cùng kỳ. Ngành Bán lẻ tăng trưởng 105.5% YoY nhờ việc các DN đầu ngành như MWG và DGW hưởng thành quả từ việc tích trữ hàng tồn kho giá rẻ trong các quý trước, trong khi FRT tiếp tục xu hướng mở rộng chuỗi nhà thuốc Long Châu. Ngành Dầu khí tăng 243% YoY nhờ crack spread thuận lợi cho BSR và hoàn nhập dự phòng lớn tại PLX
- Ở chiều ngược lại, Ô tô và Phụ tùng, Du lịch và Giải trí cùng Hàng cá nhân & Gia dụng kéo giảm lợi nhuận toàn thị trường, lần lượt giảm 88.8% YoY, 81.2% YoY và 18.9% YoY. Ô tô và Phụ tùng giảm do nền cao tại HHS. Du lịch và Giải trí chịu áp lực giá nhiên liệu bay tại HVN và VJC. Hàng cá nhân & Gia dụng giảm do PNJ lỗ 283 tỷ VND sau khi trích lập 865 tỷ VND cho nghĩa vụ mua lại kim cương

Lợi nhuận của các DNNY trên HOSE, HNX và UPCOM lần lượt tăng 45.9% YoY, 81.5% YoY và 65.1% YoY trong Q2 2026.

Trong các nhóm chỉ số trên HOSE, VN30 tăng 61.4% YoY nhờ VHM (+201% YoY), VIC (lãi 10,003 tỷ VND so với lỗ 941 tỷ VND cùng kỳ) và BSR (+782% YoY). VNMIID tăng 36.1% YoY. VNSML giảm 24.5% YoY do HHS không còn khoản lợi nhuận đánh giá lại tài sản như Q2 2025, loại trừ HHS thì tăng 16.8% YoY.

Tiêu Phan Thanh Quangquangtpt@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6417

Phạm Nguyên Longlongpn@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6420

Nguyễn Văn Quangquangnv@tvs.vn

+84 24 32484820 Ext. 6431

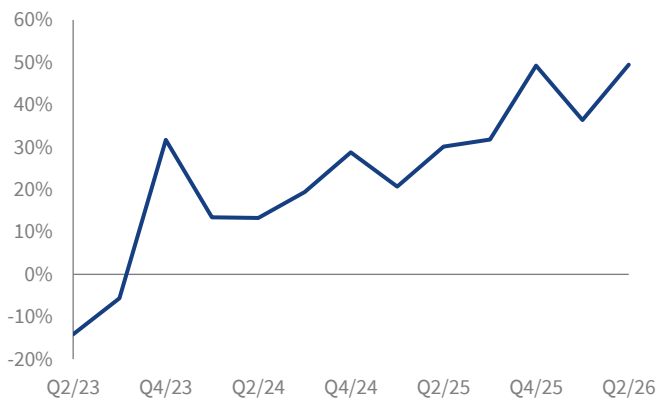
Toàn cảnh Kết quả kinh doanh Q2 2026

LNST toàn thị trường tăng 49.4% trong Q2 2026.

LNST Q2 2026 tăng 49.4% YoY với trụ cột từ nhóm Vingroup. Nhóm Phi tài chính tăng 73.0% YoY và nhóm DN Tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm) tăng 25.2% YoY. Loại các DN nhóm Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL, VEF), tăng trưởng toàn thị trường vẫn đạt 34.6% YoY, cho thấy đà cải thiện lan toả ra ngoài nhóm này.

Biểu đồ 1: LNST toàn thị trường tăng gần 50% trong Q2 2026

Tăng trưởng LNST toàn thị trường hàng năm [% YoY]

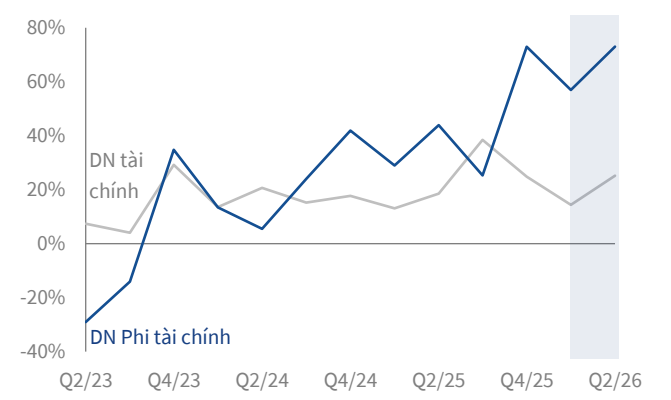


Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,067/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.8% vốn hoá toàn thị trường

Biểu đồ 2: LNST nhóm Phi tài chính tiếp tục tăng trưởng cao trong Q2 2026

Tăng trưởng LNST theo nhóm ngành hàng quý [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,067/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.8% vốn hoá toàn thị trường

16/19 nhóm ngành có lợi nhuận Q2 2026 tăng so với cùng kỳ.

Bất động sản, Ngân hàng, Dầu khí, Tài nguyên cơ bản & Điện, nước, xăng dầu và khí đốt là những nhóm ngành đóng góp lớn nhất về số tuyệt đối cho tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường.

Về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, Bất động sản, Dầu khí, Truyền thông và Bán lẻ là những ngành có mức độ cải thiện lợi nhuận lớn nhất trong quý này.

- LNST các **ngân hàng** niêm yết (NHNY) trong Q2 2026 đạt 87,935 tỷ VND (+ 24.7% YoY), gần gấp đôi mức tăng 13.3% của Q1 2026 và cao nhất trong 14 quý gần nhất. Tổng thu nhập hoạt động tăng 18.8% YoY lên 217,053 tỷ VND, nhờ thu nhập lãi thuần tăng 17.0% khi tín dụng mở rộng 17.8%, cùng lãi thuần dịch vụ tăng 70.0% lên 28,581 tỷ VND từ phí thanh toán, tài trợ thương mại và bảo hiểm, qua đó nâng tỷ trọng thu nhập phí từ 9.2% lên 13.2%. Chi phí hoạt động tăng chậm hơn thu nhập giúp CIR giảm từ 31.0% xuống 28.9%, trong khi NIM phục hồi 18 điểm cơ bản QoQ lên 3.15% dù vẫn thấp hơn 10 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Mức cải thiện NIM chủ yếu đến từ lợi suất tài sản sinh lãi tăng 76 điểm cơ bản QoQ lên 7.69%, cao hơn mức tăng 60 điểm cơ bản của chi phí vốn lên 4.81%, nhờ các khoản vay hiện hữu được tái định giá ở lãi suất cao hơn, tỷ trọng cho vay trung và dài hạn tăng và áp lực thoái lãi dự thu giảm so với Q1

2026. Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận tập trung ở một số ngân hàng lớn và phụ thuộc đáng kể vào nguồn thu ngoài hoạt động tín dụng, khi riêng VCB và HDB đóng góp 44% mức tăng tuyệt đối toàn ngành. VCB ghi nhận LNST tăng 65% YoY, với lãi thuần hoạt động khác đạt 4,059 tỷ VND, gấp 3.5 lần cùng kỳ và chủ yếu đến từ thu hồi nợ đã xử lý bằng dự phòng, trong khi chi phí dự phòng giảm 38% còn 503 tỷ VND, trái chiều với mức giảm 1% YoY của thu hồi nợ ngoại bảng tại 27 ngân hàng niêm yết. HDB tăng 58% YoY nhờ lãi đánh giá lại khoản đầu tư khi hợp nhất HDS, còn STB, EIB và ACB đều ghi nhận lợi nhuận suy giảm. Áp lực nguồn vốn vẫn hiện hữu khi tiền gửi chỉ tăng 5.5% từ đầu năm, thấp hơn mức tăng 8.9% của cho vay, khiến các ngân hàng phải tăng huy động qua giấy tờ có giá và vay liên ngân hàng, trong khi CASA đi ngang ở mức 20.95%. Cơ cấu tín dụng tiếp tục nghiêng về khách hàng doanh nghiệp, với dư nợ doanh nghiệp tăng 14.3% từ đầu năm, gấp 2.6 lần mức tăng 5.5% của bán lẻ, do lãi suất cho vay bình quân tăng khoảng 115 điểm cơ bản từ cuối Q3 2025 và làm suy yếu nhu cầu vay cá nhân, đặc biệt tại phân khúc mua nhà. Tác động của mặt bằng lãi suất cao bắt đầu phản ánh vào chất lượng tài sản khi tỷ lệ nợ xấu giữ ở mức 2.01% nhưng nợ nhóm 2 tăng từ 1.23% lên 1.38%, tỷ lệ bao phủ giảm xuống 79.0% và nợ xấu hình thành ròng tập trung tại BID, CTG, STB, VPB, MBB và HDB. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận ngành vẫn có thể duy trì tăng trưởng trong H2 2026, nhưng mức độ phân hóa sẽ rõ hơn do CIR đã xuống thấp, chi phí vốn còn áp lực tăng và nợ nhóm 2 đang phát tín hiệu sớm về nhu cầu trích lập dự phòng cao hơn

- Ngành **Bất động sản** ghi nhận tăng trưởng LNST 257% YoY trong Q2 2026, chủ yếu nhờ sự đóng góp của các doanh nghiệp như VHM, VIC và KSF. Đối với VHM, tăng trưởng LNST trong Q2 2026 đạt 201% YoY nhờ đẩy mạnh bàn giao tại các dự án trọng điểm như Vinhomes Green Paradise, Vinhomes Saigon Park và Vinhomes Global Gate Hạ Long. Trong khi đó, doanh thu và LNST của KSF lần lượt tăng trưởng 46x và 111x YoY trong kỳ nhờ đẩy mạnh ghi nhận doanh thu chuyển nhượng khi nhiều dự án của KSF bước vào giai đoạn bàn giao như các dự án Noble Palace ở Tây Thăng Long, Tây Hồ và Long Biên.
- LNST toàn ngành **Điện - nước - xăng dầu - khí đốt** tăng 46.1% YoY trong Q2 2026. POW, GAS và PGV chiếm khoảng 93% phần lợi nhuận tăng thêm, trong khi nhóm thủy điện và nước gần như đi ngang, còn năng lượng tái tạo giảm nhẹ YoY. POW dẫn dắt với LNST 3,519 tỷ VND, tăng 484% YoY và cao nhất kể từ khi niêm yết. Doanh thu tăng 116% YoY và biên gộp mở rộng từ 12.4% lên 23.3%, nhờ sản lượng điện tăng 50%, giá bán điện bình quân tăng 34% và 2,475 tỷ VND lợi nhuận không thường xuyên. Các khoản này gồm 1,103 tỷ VND điều chỉnh chênh lệch tỷ giá tại Vũng Áng 1, 991 tỷ VND quyết toán chênh lệch giá khí tại Cà Mau 1&2 và 381 tỷ VND hoàn nhập dự phòng chi phí vận hành, bảo dưỡng. Nhon Trạch 3&4 bắt đầu đóng góp 6,420 tỷ VND doanh thu, trong khi sản lượng huy động tại các nhà máy hiện hữu cũng cải thiện. Sau khi loại

các khoản không thường xuyên và tác động tỷ giá, lợi nhuận hoạt động cốt lõi của POW vẫn tăng 109% YoY. GAS đạt LNST 5,850 tỷ VND, tăng 23% YoY, trong khi LNST cốt lõi tăng 59%. Biên gộp mở rộng từ 16.4% lên 18.0% nhờ lợi nhuận gộp mảng khí tự nhiên tăng khoảng 80% YoY khi sản lượng tăng 10% và giá bán neo theo đầu FO tăng 47%, cùng đóng góp cao hơn từ LNG và biên LPG cải thiện. PGV đạt khoảng 1,447 tỷ VND LNST, tăng 65% YoY, chủ yếu nhờ chi phí tài chính giảm từ 1,063 tỷ VND xuống 329 tỷ VND, trong đó lỗ tỷ giá giảm khoảng 615 tỷ VND và chi phí lãi vay giảm khoảng 103 tỷ VND. Chúng tôi cho rằng tăng trưởng lợi nhuận của ngành sẽ chậm lại sau Q2 2026 do các khoản không thường xuyên tại POW và tác động so sánh từ lỗ tỷ giá của PGV khó lặp lại, dù Nhơn Trạch 3&4 vẫn hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi

- LNST của nhóm **Tài nguyên cơ bản** tăng 83.2% YoY trong Q2 2026, chủ yếu đến từ tăng trưởng mạnh của giá các loại hàng hóa trong Q2, giúp cải thiện mạnh mẽ LNST của các DN như HPG, MSR và KSV. Đối với HPG, LNST tăng trưởng 49.7% YoY nhờ tăng trưởng sản lượng trong Q2 đạt 64% YoY trong khi biên lợi nhuận được cải thiện nhờ giá HRC duy trì ở mức cao sau khi các biện pháp phòng vệ thương mại được triển khai. Trong khi đó, tăng trưởng LNST của MSR đạt 277x do nhu cầu mở rộng hạ tầng AI trên toàn cầu giúp cho giá APT bình quân trong kỳ đạt khoảng 3,200 USD/mtu (7-8x so với trung bình cùng kỳ). Đối với KSV, tăng trưởng LNST đạt 2.7x YoY nhờ xu hướng tăng mạnh của các kim loại như vàng, bạc và đồng trong Q2 so với cùng kỳ.
- LNST ngành **Hóa chất** tăng 55.4% YoY trong Q2 2026, quý thứ hai liên tiếp giữ tốc độ trên 50% YoY. Nhóm cao su tự nhiên đóng góp lớn nhất khi giá cao su cao hơn khoảng 18% YoY và thu nhập bồi thường đất tăng mạnh. GVR đạt LNST 2,289 tỷ VND, tăng 58% YoY, trong khi PHR đạt 364 tỷ VND, gấp bốn lần cùng kỳ, gồm 264 tỷ VND thu nhập bồi thường từ VSIP III và dự án của Thaco. LNST cốt lõi của PHR đạt 151 tỷ VND, tăng 66% YoY, nhờ giá bán cao su tăng 35% và biên gộp mảng cao su mở rộng từ 24.2% lên 32.2%. Nhóm phân đạm là động lực thứ hai khi giá ure tăng khoảng 35% YoY, nhanh hơn giá khí đầu vào, với DPM đạt 906 tỷ VND (+125% YoY), DCM đạt 1,068 tỷ VND (+36% YoY) và DHB đạt 623 tỷ VND so với 42 tỷ VND cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, DGC giảm 54% YoY còn 389 tỷ VND khi mỏ Apatit số 25 tạm dừng khai thác trong quý, buộc doanh nghiệp chuyển sang quặng nhập khẩu và quặng mua ngoài, kéo giá vốn phốt pho vàng tăng mạnh trong khi doanh thu giảm 17% YoY. Chúng tôi cho rằng tăng trưởng lợi nhuận ngành sẽ chậm lại trong Q3 2026 do nền so sánh cao, trước khi cải thiện trở lại trong Q4 2026 nhờ nền thấp của cùng kỳ
- LNST nhóm ngành **Dầu khí** tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 243% YoY trong bối cảnh chiến tranh tại Trung Đông leo thang khiến eo biển Hormuz đóng cửa, đẩy giá Brent bình quân trong Q2 2026 lên mức 104 USD/thùng (+54% YoY) và crack spread khu vực lên mức cao nhất kể từ năm

2022. BSR là động lực lớn nhất khi đóng góp 7,460 tỷ VND, gấp gần 9 lần cùng kỳ và chiếm 67% lợi nhuận toàn nhóm nhờ biên lợi nhuận dầu bùng nổ, PLX lãi 2,809 tỷ VND chủ yếu nhờ hoàn nhập khoảng 6,074 tỷ đồng dự phòng tồn kho đã trích trong quý 1. Ở chiều ngược lại, OIL lỗ ròng 136 tỷ VND, là quý lỗ đầu tiên sau gần bốn năm do giá vốn tăng 129% YoY, trích dự phòng tồn kho và lãi vay gấp 2.5 lần. Ở phân khúc thượng nguồn, LNST của PVD giảm 32% YoY còn 163 tỷ VND do lỗ tỷ giá cùng gánh nặng lãi vay tăng 136% YoY và khấu hao từ giàn khoan mới PVD IX. Trong khi đó, PVS ghi nhận LNST đạt 525 tỷ VND (+46.5% YoY) nhờ khoản thu nhập đột biến 462 tỷ VND (cùng kỳ chỉ 7 tỷ VND) liên quan quyết toán/bồi thường hợp đồng. Loại trừ khoản này, LNST lỗ thấp hơn cùng kỳ do chi phí QLDN và chi phí bán hàng tăng khi triển khai đồng loạt dự án lớn. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận ngành trong Q3 2026 sẽ giảm nhẹ so với mức đỉnh lợi nhuận trong Q2 nhưng vẫn duy trì mức tăng cao svck nhờ giá dầu và crack spread dự kiến vẫn duy trì ở mức cao.

- LNST ngành **Bán lẻ** tăng trưởng 105.5% YoY trong Q2 2026, được dẫn dắt bởi tăng trưởng của nhóm các doanh nghiệp lớn trong ngành như MWG, FRT và DGW. Đối với MWG và DGW, tăng trưởng lợi nhuận của hai doanh nghiệp này trong Q2 2026 lần lượt ở mức 100% YoY và 188% YoY đến từ xu hướng tăng giá bán của các sản phẩm thiết bị điện tử và nhu cầu mua sắm gia tăng đột biến trong H1 2026. Bên cạnh đó, hai doanh nghiệp này đã tích trữ được lượng sản phẩm tồn kho lớn vào cuối Q4 2025 nhằm tận dụng xu hướng này, qua đó mở rộng biên lợi nhuận so với các quý trước đó. Trong khi đó, FRT đạt mức tăng trưởng về lợi nhuận ở mức 188% YoY trong Q2 2026. Điều này chủ yếu nhờ tăng trưởng của chuỗi nhà thuốc Long Châu khi tiếp tục duy trì được doanh thu trung bình/cửa hàng ở mức 1.4 tỷ VND/CH/tháng (+13.1% YoY) trong khi tiếp tục xu hướng mở rộng với (+122 CH mở mới trong Q2).

Ngược lại, Du lịch giải trí, Ô tô phụ tùng và Hàng cá nhân & Gia dụng là các ngành có lợi nhuận giảm trong Q2 2026.

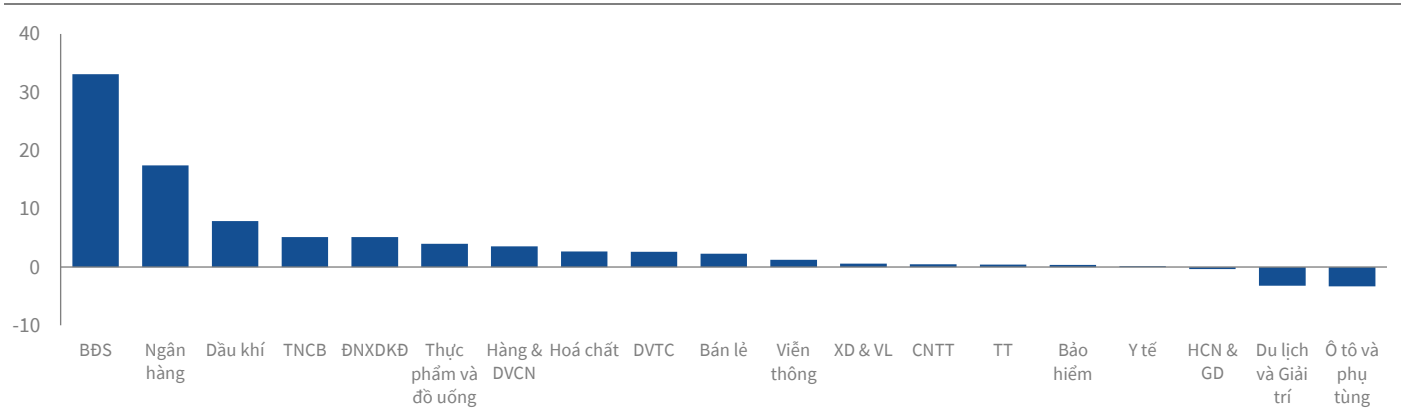
- LNST ngành **Du lịch và Giải trí** giảm 81.2% YoY trong Q2 2026, chủ yếu đến từ hai hãng hàng không. HVN lỗ 735 tỷ VND so với mức lãi 2,856 tỷ VND cùng kỳ dù doanh thu tăng 37% YoY, khi giá nhiên liệu bay tăng mạnh theo giá dầu Brent sau xung đột tại Trung Đông và đẩy giá vốn hàng bán tăng gần 60% YoY, nhanh hơn hẳn doanh thu. VJC đạt 334 tỷ VND (-49% YoY) dù doanh thu tăng 70.5% YoY, phần lớn mức tăng đến từ thương mại tàu bay vốn có biên thấp và mảng vận tải hành khách chịu cùng áp lực nhiên liệu. Loại trừ hai hãng, phần còn lại của ngành tăng 173% YoY lên 1,142 tỷ VND, dẫn dắt bởi VPL với 632 tỷ VND (+275% YoY) nhờ biên gộp mở rộng từ 26.1% lên 35.0% và khoản thu nhập khác 1,694 tỷ VND so với mức lỗ khác 53 tỷ VND cùng kỳ
- LNST ngành **Ô tô và Phụ tùng** giảm 88.8% YoY trong Q2 2026, hoàn toàn do hiệu ứng nền tại HHS. Q2 2025, HHS ghi nhận 3,507 tỷ VND lợi nhuận từ đánh

giá lại khoản đầu tư sau khi hợp nhất CRV, một khoản một lần không phản ánh hoạt động cốt lõi, Q2 2026 chỉ đạt 25 tỷ VND. Loại trừ HHS, LNST các doanh nghiệp còn lại tăng 93.5% YoY, dẫn dắt bởi VVS (+342% YoY) và HTL (+335% YoY)

- LNST ngành **Hàng cá nhân & Gia dụng** giảm 18.9% YoY trong Q2 2026, chủ yếu do PNJ. PNJ ghi nhận lỗ 283 tỷ VND so với mức lãi 437 tỷ VND cùng kỳ và là quý lỗ đầu tiên sau nhiều năm, dù doanh thu vẫn tăng 11.9% YoY. Biên gộp thu hẹp từ 21.5% xuống 18.4% khi vàng 24K chiếm tỷ trọng lớn hơn. Ngoài ra PNJ trích lập 865 tỷ VND cho nghĩa vụ mua lại kim cương phát sinh sau ngày 30/6, đẩy chi phí quản lý lên 1,063 tỷ VND. Từ ngày 1 đến 20/7, giá trị hàng phải mua lại đạt 5,900 tỷ VND trong khi doanh thu chỉ 1,588 tỷ VND, sau khi siết quy trình thì một tuần giảm về 1,162 tỷ VND. Áp lực chưa dừng ở Q2 2026 vì khoản trích lập tính theo giá trị mua lại sau ngày 30/6. Loại trừ PNJ, phần còn lại của ngành tăng 22.7% YoY nhờ nhóm dệt may với doanh thu tăng 11.1% YoY và lợi nhuận tăng nhanh hơn ở mức 27.5% YoY do biên lợi nhuận cải thiện, dẫn đầu là VGT, MSH và PPH

Biểu đồ 3: 16/19 ngành ghi nhận LNST tăng trong Q2 2026

Tăng/ Giảm LNST Q2 2026 theo nhóm ngành [nghìn tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,067/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.8% vốn hoá toàn thị trường

TNCB: Tài nguyên cơ bản; Hàng & DVCN: Hàng & Dịch vụ công nghiệp; DVTC: Dịch vụ tài chính; CNTT: Công nghệ thông tin; TT: Truyền thông; HCN & GD: Hàng cá nhân & gia dụng; BDS: Bất động sản; ĐNXXDKĐ: Điện, nước, xăng dầu khí đốt; XD & VL: Xây dựng và Vật liệu

LNST của các DN niêm yết trên cả ba sàn đều tăng trong Q2 2026.

Lợi nhuận các DNNY trên HOSE, HNX và UPCOM tăng lần lượt 45.8% YoY, 81.5% YoY và 65.1% YoY trong Q2 2026. Đóng góp chính trên HOSE là VHM (+201% YoY), VIC (lãi 10,003 tỷ VND so với lỗ 941 tỷ VND cùng kỳ) và BSR (+782% YoY), trong khi HVN và HHS kéo giảm mạnh nhất. HNX tăng nhờ KSF và KSV (+177% YoY). UPCOM tăng nhờ MSR, SSH và VGI (+47% YoY).

Trên HOSE, nhóm vốn hoá lớn có tăng trưởng lợi nhuận

Nhóm VN30 đạt mức tăng trưởng LNST 61.4% YoY nhờ đóng góp từ các DN lớn là VHM (+201% YoY), VIC (lãi 10,003 tỷ VND so với lỗ 941 tỷ VND trong Q2 2025), BSR

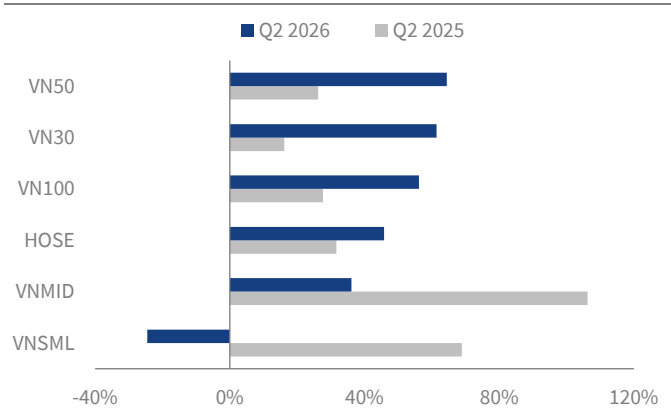
tốt nhất trong các nhóm vốn
hóa.

(+782% YoY) và VCB (+65% YoY).

Nhóm vốn hóa vừa (VNMID) tăng 36.1% YoY nhờ POW (+484% YoY), PLX (+106% YoY) và NVL (lãi 969 tỷ VND so với lỗ 161 tỷ VND cùng kỳ). Ngược lại, VNSML giảm 24.5% YoY, chủ yếu do HHS không còn khoản lợi nhuận đánh giá lại tài sản như Q2 2025. Loại trừ HHS, VNSML tăng 16.8% YoY nhờ ORS, AGG và QCG.

Biểu đồ 4: Hầu hết các nhóm chỉ số đều có tăng trưởng lợi
nhuận cao trong Q2 2026

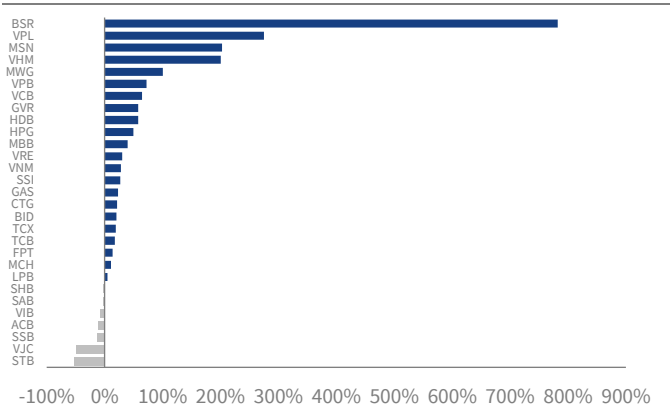
Tăng trưởng LNST theo nhóm [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Biểu đồ 5: Các cổ phiếu Vingroup đều ghi nhận LNST Q2
2026 tăng mạnh

Tăng trưởng LNST Q2 2026 của các doanh nghiệp trong nhóm VN30 [% YoY]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Chúng tôi loại bỏ VIC do tăng trưởng theo % không có ý nghĩa (lãi 10,003 tỷ VND so với lỗ 941 tỷ VND)



Phụ lục 1: Tổng quan KQKD toàn thị trường

Nhóm ngành		DN ra báo cáo Q2 26		Tăng trưởng LNST (YoY)													
ICB cấp 2	% Tổng vốn hoá thị trường	Số lượng DN	%Vốn hoá ngành	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25	Q1/26	Q2/26	
Ngân hàng	26.1%	27/27	100.0%	-0.5%	-1.6%	22.5%	8.8%	19.9%	17.5%	18.4%	14.3%	17.1%	24.3%	21.0%	13.3%	24.7%	
Bất động sản	29.1%	96/127	99.3%	32.3%	-36.4%	-13.4%	-26.3%	-63.3%	42.3%	73.7%	131.7%	117.5%	-39.0%	178.5%	32.4%	257.0%	
Thực phẩm và đồ uống	7.1%	102/151	98.5%	-2.3%	-16.1%	43.5%	31.0%	2.8%	20.9%	14.2%	1.7%	14.4%	10.8%	37.5%	54.8%	34.4%	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.2%	144/255	96.7%	15.9%	-5.4%	-12.2%	54.9%	10.7%	10.9%	77.0%	5.9%	-7.1%	49.4%	4.8%	27.5%	39.2%	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.4%	107/141	98.1%	-25.7%	-38.3%	-26.7%	-45.5%	-22.1%	35.4%	-7.7%	40.9%	59.0%	9.3%	59.7%	39.0%	46.1%	
Tài nguyên Cơ bản	3.4%	75/108	98.4%	-90.7%	N/A	N/A	169.4%	717.0%	11.9%	29.6%	23.2%	28.8%	92.2%	30.4%	165.8%	83.2%	
Xây dựng và Vật liệu	2.7%	196/323	95.3%	-41.6%	5.0%	367.9%	172.2%	48.7%	26.3%	55.8%	1.1%	23.1%	174.1%	54.5%	21.1%	13.2%	
Dịch vụ tài chính	5.8%	46/71	95.6%	381.7%	103.1%	397.8%	111.5%	32.7%	4.7%	9.4%	2.1%	34.0%	179.7%	94.4%	25.5%	31.0%	
Hoá chất	2.1%	55/71	99.5%	-72.9%	-67.8%	3.2%	6.7%	63.8%	72.9%	-20.1%	40.7%	42.0%	67.4%	-37.3%	56.2%	55.4%	
Dầu khí	2.2%	11/12	99.9%	-73.8%	831.1%	-3.4%	6.2%	-8.5%	N/A	-57.8%	-57.5%	28.4%	N/A	269.5%	605.0%	244.0%	
Du lịch và Giải trí	3.3%	28/49	99.4%	-50.6%	-17.4%	-61.3%	1410.8%	N/A	N/A	N/A	-41.6%	103.6%	-33.9%	30.0%	65.7%	-81.2%	
Công nghệ Thông tin	1.3%	17/27	98.6%	7.9%	17.5%	30.6%	22.0%	25.1%	18.1%	28.5%	40.5%	19.7%	21.2%	14.7%	0.3%	18.9%	
Bán lẻ	1.6%	21/27	99.0%	-99.2%	-70.0%	-69.7%	468.4%	14281.8%	242.5%	351.3%	73.4%	44.2%	85.0%	133.5%	78.4%	105.5%	
Viễn thông	3.0%	5/8	99.9%	N/A	-19.2%	N/A	104.6%	N/A	-47.8%	298.0%	-61.6%	105.2%	404.2%	7.0%	258.9%	37.2%	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7%	52/75	94.6%	-53.3%	-41.0%	10.1%	3.0%	37.6%	53.3%	31.8%	23.0%	24.3%	28.7%	49.7%	43.6%	-18.9%	
Bảo hiểm	0.9%	13/13	100.0%	110.3%	41.1%	18.2%	11.3%	13.5%	-34.8%	17.0%	5.3%	18.6%	132.8%	-14.3%	21.0%	20.1%	
Y tế	0.7%	41/64	94.4%	2.5%	-28.0%	5.7%	-26.4%	19.5%	24.0%	-2.8%	-4.0%	-15.7%	-1.6%	20.2%	10.7%	21.7%	
Truyền thông	0.2%	18/33	93.2%	-80.2%	-47.7%	-79.3%	256.7%	2436.0%	475.3%	193.5%	4.1%	N/A	-23.2%	-89.5%	197.7%	191.8%	
Ô tô và phụ tùng	0.3%	13/18	98.6%	-42.0%	-50.5%	-1.7%	155.3%	73.0%	-48.5%	-33.2%	-29.1%	1281.9%	476.7%	44.7%	58.2%	-88.8%	
HOSE	82.8%	399/426	99.7%	-9.9%	-5.9%	23.2%	11.2%	8.1%	22.5%	29.2%	10.5%	31.7%	23.5%	42.7%	49.7%	45.8%	
HNX	4.8%	278/302	99.1%	1.5%	-1.5%	10.8%	40.6%	31.1%	18.2%	-81.8%	-6.0%	14.7%	111.0%	1301.7%	33.7%	81.5%	
UPCOM	12.4%	390/855	93.0%	-48.6%	-4.8%	681.5%	27.3%	68.8%	-5.5%	85.7%	136.9%	25.9%	84.9%	25.0%	-25.2%	65.1%	
VN30	63.2%	30/30	100.0%	-8.7%	1.6%	17.5%	6.6%	15.1%	14.7%	33.8%	9.0%	16.2%	11.5%	39.2%	58.6%	61.4%	
VN50	62.0%	50/50	100.0%	-5.9%	-2.6%	16.8%	8.3%	3.9%	17.3%	33.5%	8.8%	26.2%	19.1%	49.5%	61.1%	64.4%	
VN100	76.2%	100/100	100.0%	-8.1%	-1.0%	20.1%	8.4%	5.1%	17.0%	28.6%	10.2%	27.7%	21.9%	42.7%	54.3%	56.2%	
VNSML	2.5%	184/185	99.9%	-32.2%	-39.1%	96.2%	19.7%	38.9%	14.2%	4.9%	23.2%	68.9%	62.3%	17.2%	7.8%	-24.5%	
VNMID	13.1%	70/70	100.0%	-5.5%	-12.2%	31.2%	18.1%	-34.0%	28.7%	9.0%	15.9%	106.3%	68.5%	59.0%	33.6%	36.1%	
Nhóm vốn hoá lớn	87.7%	113/114	99.9%	-10.1%	-3.8%	21.4%	12.5%	9.5%	19.3%	34.1%	21.1%	28.9%	26.2%	48.8%	37.5%	56.7%	
Nhóm vốn hoá vừa	9.8%	286/308	94.2%	-31.7%	-10.9%	145.8%	25.8%	40.8%	23.2%	5.0%	21.4%	40.4%	65.4%	39.1%	27.2%	4.3%	
Nhóm vốn hoá nhỏ	2.6%	668/1326	80.6%	-45.1%	-34.2%	72.7%	-2.6%	24.4%	9.5%	-19.0%	2.0%	13.1%	72.6%	147.4%	35.5%	82.0%	
Tài chính	32.8%	86/111	99.2%	7.4%	4.0%	29.2%	13.5%	20.7%	15.2%	17.7%	13.1%	18.5%	38.5%	24.9%	14.4%	25.2%	
Phi tài chính	67.2%	981/1637	98.6%	-29.0%	-14.1%	34.8%	13.4%	5.5%	24.0%	41.8%	29.0%	43.9%	25.3%	73.0%	56.9%	73.0%	
Toàn thị trường	100.0%	1067/1748	98.8%	-14.1%	-5.6%	31.7%	13.5%	13.3%	19.4%	28.8%	20.7%	30.2%	31.8%	49.2%	36.4%	49.4%	

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research
Ghi chú: Dữ liệu gồm 1,067/1,748 doanh nghiệp, chiếm 98.8% vốn hoá toàn thị trường

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt - www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên cao cấp
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn